

Số: ~~47~~ 21 /STC-NSNN

Đồng Nai, ngày 31 tháng 2 năm 2017

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán năm
2018.

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể khối Tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và TP Biên Hòa;
- Quỹ Đầu tư phát triển; Ngân hàng Chính sách tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/07/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 6898/UBND-TH ngày 17/07/2017 về triển khai Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

Giai đoạn 2017 -2020, tỷ lệ điều tiết ngân sách tỉnh Đồng Nai được hưởng đã giảm từ 51% xuống 47%, năm 2017 HĐND tỉnh đã rất nhiều chính sách làm tăng chi lớn ngân sách địa phương (tăng chế độ đối với lực lượng công an xã, dân quân xã, người làm việc không chuyên trách cấp xã, tăng định mức trợ cấp xã hội, chế độ đối với tổ nhân dân,...), phải tập trung nguồn lực xây dựng nông thôn mới. Dự ước tình hình ngân sách năm 2018 sẽ tiếp tục khó khăn, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị xây dựng dự toán thu năm 2018 theo hướng tích cực và xây dựng dự toán chi đúng chế độ, định mức chi, theo hướng tiết kiệm.

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị nghiên cứu, các văn bản trên. Đồng thời, Sở Tài chính hướng dẫn thêm một số nội dung về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2017 và xây dựng dự toán NSNN năm 2018 như sau:

I. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2018 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH, CÁC TỔ CHỨC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH.

1. Đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2017

Căn cứ đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2017:

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về giao dự toán thu NSNN – chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2017.

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân, Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSDP năm 2017.

- Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2017.

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính – NSNN 6 tháng đầu năm; các giải pháp thực hiện dự toán NSNN 2017 trong những tháng còn lại đã được các cấp có thẩm quyền quyết định;

- Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác cải cách thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu, chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm kinh phí cho quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự xã hội.

1.1 Đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ thu NSNN đến 30/06/2017 và ước thực hiện năm 2017:

Căn cứ nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước năm 2017 đã được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh. Các đơn vị đánh giá:

Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, thu học phí, thu viện phí, thu phạt vi phạm hành chính (bao gồm cả thu phạt ATGT của Thanh tra Giao thông), thu phạt tịch thu khác, thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2017; đánh giá các

yếu tố tác động đến tăng, giảm thu 6 tháng và ước cả năm 2017. Trong đó cần nêu rõ:

- Số tiền thu phí, lệ phí, viện phí, học phí và thu sự nghiệp khác 06 tháng năm 2017 và ước thực hiện năm 2017 (*chi tiết cho từng loại phí, lệ phí, học phí và viện phí và thu sự nghiệp khác*).

- Số tiền thu phí, lệ phí, thu khác 06 tháng năm 2017 và ước thực hiện năm 2017 được để lại sử dụng (*chi tiết cho từng loại phí, lệ phí, học phí và viện phí và thu sự nghiệp khác*).

- Thu dịch vụ (nếu có)

Riêng đối với Sở Y tế, đề nghị có đánh giá kỹ, ước phần tăng thêm do tăng giá dịch vụ y tế theo Thông tư 37/2015/TTLT-BYT-BTC; Thông tư 02/2017/TT-BYT so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

1.2. Đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ chi NSNN năm 2017.

a) Chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước:

Các đơn vị thực hiện báo cáo theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Chi thường xuyên.

Các đơn vị tập trung đánh giá tập trung vào các nội dung sau:

- Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

- Kết quả việc cắt giảm dự toán đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chỉ thị số 14/CT-TTg.

- Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2017, cụ thể:

- + Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- + Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và bổ sung, sửa đổi tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

+ Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tình hình thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực theo các Nghị định của Chính phủ số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, trong đó chi tiết: Số đơn vị đã giao tự chủ theo từng loại; lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; tác động đến NSNN (số tăng thu của đơn vị sự nghiệp và số giảm chi NSNN hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp - nếu có).

+ Tình hình thực hiện nội dung Công văn số 3203/UBND-VX ngày 10/04/2017 của UBND tỉnh về việc hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan, đơn vị.

- Sở Lao động thương binh xã hội: đánh giá tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

Các đơn vị đánh giá cụ thể nội dung liên quan đến đơn vị tại điểm 3,4,5, 10,11,12 Điều 8 Thông tư 71/2017/TT-BTC và lưu ý đánh giá chi tiết các nội dung sau:

+ Dự toán thu - chi học phí, viện phí và phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác:

- Chi từ nguồn thu học phí, viện phí, phí, lệ phí, thu khác được để lại sử dụng (*cụ thể cho từng khoản chi*).

- Số tiền nộp NSNN từ thu phí, lệ phí, thu khác 6 tháng năm 2017 và ước thực hiện năm 2017 được để lại sử dụng (*chi tiết cho từng loại phí, lệ phí và thu sự nghiệp khác*).

- Chi từ nguồn thu dịch vụ bao gồm chi thực hiện nghĩa vụ NSNN và khấu hao (*cụ thể cho từng khoản chi*).

- Trích lập nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị tính đến thời điểm 30/06/2017 và ước thực hiện năm 2017 (*nếu có*).

+ Chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước:

- Số biên chế kế hoạch được giao.

- Số biên chế có mặt đến tháng 30/06/2017.

- Số biên chế đã luân chuyển, điều động hoặc nghỉ theo chế độ (*nêu rõ từng đối tượng và thời gian cụ thể*).

+ *Thực hiện dự toán chi: (tổng số tiền) trong đó:*

- Kinh phí tự chủ từ nguồn NSNN: *(số tiền)* gồm:
 - + Quỹ tiền lương thực tế tính thời điểm 30/07/2017 *(Chi con người)*;
 - + Chi hoạt động tính đến thời điểm 30/07/2017
- Kinh phí không tự chủ từ nguồn NSNN: *(số tiền)* gồm:

Thực hiện chương trình, dự án, đề án, kế hoạch ... được cấp thẩm quyền giao: nêu chi tiết tên chương trình, dự án, đề án, kế hoạch *(số tiền)*. Lưu ý các Sở, ngành đoàn thể được giao chủ nhiệm đề án, chương trình *(Lưu ý: các chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (nếu có))*

- + *Nhu cầu kinh phí bổ sung thực hiện nhiệm vụ:* chi tiết nội dung chi

Đánh giá tình hình thực hiện, nêu các khó khăn, tồn tại; các chế độ chính sách tài chính liên quan và các kiến nghị *(nếu có)* thực hiện dự toán năm 2017 *(đánh giá kỹ thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch)*.

c) Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương

Các đơn vị báo cáo về:

- Biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương;
- Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, trong đó làm rõ: nguồn sắp xếp, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên trong phạm vi dự toán NSNN năm 2017 được giao; nguồn thu được để lại theo chế độ theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2016 chuyển sang năm 2017 *(nếu có)*, nguồn chưa sử dụng hết năm 2017 chuyển sang năm 2018 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở *(nếu có)*.

2. Xây dựng dự toán NSNN năm 2018.

2.1 Xây dựng dự toán thu.

Căn cứ tình hình thực hiện thu phí, lệ phí, thu phạt (bao gồm cả thu phạt ATGT do Thanh tra Giao thông thực hiện), thu khác năm 2017, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2018 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số thực hiện cải cách tiền lương, số nộp NSNN).

Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho đơn vị, nhưng phải lập

dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính theo quy định và thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2.2 Xây dựng dự toán chi

a) Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước

Các đơn vị thực hiện xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Xây dựng dự toán chi thường xuyên.

Các đơn vị dự toán căn cứ định mức phân bổ chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của HĐND tỉnh, nhiệm vụ được giao, xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2018 đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, tiết kiệm, **bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi phát sinh trong năm 2018 để đảm bảo kinh phí thực hiện, hạn chế tối đa các khoản phải bổ sung dự toán trong năm thực hiện.** Cụ thể:

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2018 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2017, trừ đi (-) số biên chế giảm trong năm (nghỉ theo chế độ và tinh giản biên chế trong năm 2017, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2017).

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn) (Riêng đối với khối đảng bổ sung thêm quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ).

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ được giao trong năm 2018 (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, dự toán của các đơn vị dự toán gửi kèm thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết,

lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

+ Lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại (phí và các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí) theo chế độ quy định theo đúng nội dung, định mức chi. Lập dự toán chi để thực hiện các nhiệm vụ để thu lệ phí, dự toán chi không cao hơn dự toán năm 2017.

+ Đối với các tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2018 được xác định tối đa bằng dự toán năm 2017 theo Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội Quan chúng.

Lưu ý: Các đơn vị chủ động xin chủ trương chấp thuận của UBND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ. Năm 2018, Sở Tài chính sẽ không bố trí dự toán cho các nội dung chưa có chủ trương chấp thuận của các cấp có thẩm quyền.

c) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Năm 2018, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định. Các đơn vị dự toán trên cơ sở dự toán NSNN được giao, tiết kiệm chi thường xuyên và phân đấu tăng nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

d) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2018:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Dự kiến tác động đối với dự toán NSNN năm 2018 khi triển khai thực hiện Thông tư 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015; Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế.

Thuyết minh nhu cầu kinh phí NSNN phải hỗ trợ để đảm bảo thực hiện khám chữa bệnh tại các đơn vị y tế có số thu không đảm bảo.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

* Đối với các đơn vị có thu sự nghiệp (không bao gồm thu phí, lệ phí, học phí): Căn cứ số chi cơ sở quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, số dự toán thu, Sở Tài chính sẽ giảm trừ số bổ sung ngân sách cho các đơn vị.

đ) Ngoài ra đề nghị các Sở, Ngành báo cáo thêm một số nội dung sau:

- Sở Lao động thương binh và xã hội: Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật (Nghị định số 136/2013/NĐ-CP); chính sách hỗ trợ tiền tiện cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Tình hình thực hiện chính sách đối với hộ nghèo thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều; thời điểm thực hiện và nguồn ngân sách bảo đảm; Tình hình thực hiện CTMTQG giảm nghèo: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP, các nguồn huy động khác).

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Chính sách hỗ trợ giáo dục – đào tạo (chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3 – 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư

liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn (chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi); Chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân;

- Ban Dân tộc: chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó đối với hộ nghèo xác định theo tiêu chí thu nhập), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2017 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

3. Xây dựng dự toán các quỹ tài chính ngoài ngân sách, bổ sung vốn ủy thác cho ngân hàng chính sách tỉnh.

Cơ quan trực tiếp quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017, kế hoạch thu - chi tài chính quỹ và nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước (nếu có) năm 2018. Cơ quan dự toán cấp I tổng hợp nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách (nếu có) vào dự toán ngân sách nhà nước và lập báo cáo riêng về kế hoạch thu, chi tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính.

Quỹ Đầu tư phát triển lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017, kế hoạch thu - chi tài chính quỹ và nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước (nếu có) năm 2018 gửi Sở Tài chính.

Ngân hàng chính sách xã hội lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017, kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua ngân hàng và nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước năm 2018 (nếu có) gửi Sở Tài chính.

4. Lập biểu mẫu báo cáo, xây dựng dự toán NSNN năm 2018.

Các đơn vị lập biểu mẫu báo cáo, xây dựng dự toán NSNN năm 2018 theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC, cụ thể:

- Các đơn vị dự toán thực hiện mẫu số: 5, 6, 7, 8 (nếu có), 9 (nếu có), 11.1, 12.1, 12.2, 12.3, 12.4, 12.5, 13.10, 14, 15.1, 15.2, 23, 24 (nếu có), 25 (nếu có), 26 (nếu có), 27, 35 (nếu có), 69.

- Riêng các đơn vị sau thực hiện thêm các biểu:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện mẫu số: 30, 32, 33, 34,

+ Văn phòng Tỉnh Ủy, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện mẫu số: 14

+ Sở Lao động, thương binh và Xã hội thực hiện mẫu biểu số: 13.11, 13.12, biểu số 28 chỉ tiêu số 11,13 và 16

+ Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện mẫu số: 13.1, biểu số 28 chỉ tiêu số 14.

+ Sở Y tế thực hiện mẫu số: 13.2, biểu số 28 chỉ tiêu số 15.

+ Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện mẫu số: 13.3.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện mẫu số: 13.4, 13.6, biểu số 28 chỉ tiêu số 12, 17 và 19.

+ Sở Thông tin truyền thông thực hiện mẫu số: 13.5.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện mẫu số: 13.7.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện mẫu số: 13.8, 13.9

+ Sở Giao thông vận tải thực hiện mẫu số: 13.8, 13.9

+ Sở Xây dựng thực hiện mẫu số: 13.8, 13.9.

+ Các đơn vị có liên quan thực hiện mẫu số 35.

+ Tất cả các đơn vị thực hiện báo cáo theo mẫu số 03 của Thông tư 71/2017/TT-BTC ngày 13/07/2017 (bao gồm chính sách của địa phương ban hành và Trung ương ban hành).

+ Quỹ tài chính ngoài ngân sách, Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện mẫu số: 17, 18.

Thời gian thực hiện báo cáo: Các đơn vị gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 10/08/2017 để tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính.

Trước ngày 15/09/2017, các đơn vị gửi báo nhu cầu kinh phí bổ sung đợt 2 về Sở Tài chính để cân đối tham mưu cấp thẩm quyền bổ sung theo quy định.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2018 ĐỐI VỚI CÁC CẤP HUYỆN.

1. Đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2017

Căn cứ đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2017 bao gồm:

- Các văn bản phê duyệt, giao nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2017 của cấp có thẩm quyền;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân, Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSDP năm 2017.
- Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2017.
- Thông tư số 319/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc xử lý chuyển nguồn NSNN năm 2016 sang năm 2017.
- Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính – NSNN 6 tháng đầu năm; các giải pháp phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu NSNN 2017 trong những tháng còn lại đã được các cấp có thẩm quyền quyết định;
- Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác cải cách thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu, chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm kinh phí cho quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự xã hội.

1.1 Đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2017

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm UBND các cấp huyện thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2017 đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua; trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Đánh giá, phân tích từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu NSNN năm 2017, gồm:

Những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất - kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2017 của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế do tác động của các yếu tố trong nước và ngoài nước; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp; mức độ tăng, giảm vốn đầu tư của các

thành phần kinh tế; khả năng tiếp cận vốn tín dụng thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu của các doanh nghiệp; diễn biến thị trường bất động sản.

Tác động của diễn biến giá dầu thô, giá hàng hóa nông sản trên thị trường thế giới và trong nước, tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, việc triển khai các Nghị quyết của Chính phủ số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (Nghị quyết số 35/NQ-CP), số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP), các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính, số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử và tác động của các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP và Chỉ thị số 14/CT-TTg; tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2017, bao gồm mở rộng phạm vi thu NSNN theo Luật NSNN và Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) theo lộ trình của một số mặt hàng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế; biểu thuế suất thuế tài nguyên theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; quy định về giá tính thuế GTGT đối với điện của các nhà máy thủy điện, Tổng công ty phát điện tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2017.

- Đánh giá tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế:

Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2017. Rà soát, xác định chính xác số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phân tích đánh giá tình hình nợ thuế, xóa nợ thuế trong năm 2017, báo cáo, đánh giá kết quả thu hồi nợ thuế trong năm 2017 và số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2017.

- Đánh giá cơ chế phân bổ nguồn thu đối với nguồn thu do Cục Thuế thu trên địa bàn các cấp huyện phân bổ lại cho các cấp huyện.

2.2. Đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ chi NSNN năm 2017.

a) Chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước.

UBND các cấp huyện thực hiện đánh giá ước thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chi thường xuyên.

UBND các cấp huyện tập trung đánh giá các nội dung sau:

- Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

- Kết quả việc cắt giảm dự toán đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chỉ thị số 14/CT-TTg.

- Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2017, cụ thể:

+ Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

+ Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và bổ sung, sửa đổi tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

+ Tình hình, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế đến 30 tháng 6 năm 2017 và dự kiến cả năm theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP); chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm

2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế (chỉ thị số 02/CT-TTg); Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW (Quyết định số 2218/QĐ-TTg); Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (Nghị định số 26/2015/NĐ-CP).

+ Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

+ Tình hình triển khai thực hiện Quyết định 08/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 02/03/2017 về Quy định mức trợ cấp xã hội, mức trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Tình hình thực hiện chế độ đối với lực lượng dân quân tự vệ, công an xã theo Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 09/12/2017 Quy định số lượng Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, tổ chức lực lượng dân quân thường trực cấp xã, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2017 - 2020 và Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 09/12/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/04/2009 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp đối với bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 26/10/2010 về số lượng và chính sách cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Tình hình triển khai thực hiện về Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 quy định mức trợ cấp đối với Trưởng các đoàn thể ở ấp (khu phố) và kinh phí hoạt động cho Tổ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Tình hình triển khai thực hiện về Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

c) Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương.

UBND các cấp huyện báo cáo về:

- Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp thực hiện năm 2016 và dự kiến năm 2017;

- Nhu cầu kinh phí tăng thêm đến mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/người/tháng năm 2017;

- Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ ngày 01 tháng 07 năm 2017, gồm: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương); 50% tăng thu NSDP thực hiện so với dự toán năm 2016; thu tạo nguồn cải cách tiền lương từ thu phí, lệ phí và các khoản để lại khác.

- Rà soát, xác định nhu cầu kinh phí phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

2. Xây dựng dự toán NSNN năm 2018.

2.1 Xây dựng dự toán thu NSNN.

Dự toán thu NSNN năm 2018 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Dự toán thu NSNN năm 2018 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành. Mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN; trên cơ sở dữ liệu thông tin quản lý về thuế; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2017, dự báo các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại năm 2018 tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật về thuế mới sửa đổi, bổ sung, mở rộng cơ sở tính thuế (kể cả đối tượng và căn cứ tính thuế), yếu tố tăng thu từ tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, yêu cầu phân đấu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2017, dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2018 và số kiểm tra dự toán thu năm 2018 được cơ quan có thẩm quyền thông báo, UBND các cấp huyện xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2018 (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT) tăng tối thiểu 12-14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017.

- Dự toán thu NSNN năm 2018 phải trên cơ sở dữ liệu đối tượng nộp thuế, đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa

bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2018 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2018; trong đó lưu ý: Luật NSNN, Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB, trong đó điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng bia, rượu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế, trong đó điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB đối với một số dòng xe ô tô, xe mô tô.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định

UBND các cấp huyện ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2017, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2018 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN).

Đối với khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, địa phương, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. UBND các cấp huyện tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2.2. Xây dựng dự toán chi NSDP năm 2018

a) Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển, dự toán chi thực hiện các CTMTQG, CTMT, Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài, dự toán bội chi ngân sách.

UBND các cấp huyện thực hiện Xây dựng dự toán chi đầu tư, dự toán chi thực hiện các CTMTQG, CTMT theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Số chi đầu tư phát triển năm 2018 các đơn vị theo số thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Xây dựng dự toán chi thường xuyên.

UBND các cấp huyện căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2018, xây dựng

dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2018, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN.

UBND các cấp huyện lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; giảm tần suất và tiết kiệm tối đa kinh phí tổ chức lễ hội, nhất là lễ hội có quy mô lớn, hội thảo, khánh tiết... sử dụng ngân sách; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; mở rộng thực hiện khoán xe ô tô công.

Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Chỉ thị số 02/CT-TTg Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2018:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

- + Số biên chế năm 2018 (bảng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2017, trừ đi (-) số biên chế giảm trong năm (nghỉ theo chế độ và tinh giản biên chế trong năm 2017, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2017), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

- + Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương,

phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2018 được xác định bằng dự toán năm 2017 theo Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội Quản chúng.

- Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Năm 2018, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định. Trong đó:

UBND các cấp huyện tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động XSKT), bao gồm tăng thu thực hiện năm 2017 so dự toán năm 2017, tăng thu dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư.

- Chi sự nghiệp môi trường: Xây dựng dự toán, thuyết minh cụ thể số chi xử lý rác năm 2018.

c) Hoàn trả các khoản tạm ứng.

Đối với các khoản tạm ứng, nợ Ngân sách cấp tỉnh của Ngân sách các cấp huyện phải hoàn trả trong năm 2018, Sở Tài chính khấu trừ trực tiếp ngay đầu năm (không giảm dự toán các cấp huyện)

d) Dự phòng Ngân sách

Căn cứ Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, UBND các cấp huyện bố trí 2 % tổng chi cân đối để dự phòng ngân sách để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

đ) Lập biểu mẫu báo cáo, xây dựng dự toán NSNN năm 2018.

UBND các cấp huyện lập biểu mẫu báo cáo, xây dựng dự toán NSNN năm 2018 theo mẫu biểu tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC, cụ thể: 28, 29.1, 29.2, 31, 32, 33, 34, 35. (đối với các chỉ tiêu không thực hiện tại cấp huyện đề nghị để trống)

Đối với mẫu biểu trình HĐND cấp huyện năm 2018, UBND các cấp huyện thực hiện theo hệ thống mẫu biểu quy định tại Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/03/2017 của Chính phủ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Đề nghị các Sở, Ban, Ngành, UBND các Huyện, thị xã Long Khánh và Thành phố Biên Hòa triển khai và thực hiện đánh giá đầy đủ nội dung thực hiện dự toán ngân sách năm 2017, xây dựng dự toán ngân sách năm 2018 của địa phương, đơn vị mình quản lý theo Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/07/2017 của Bộ Tài chính.

UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng TCKH xây dựng Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tại địa phương để hướng dẫn các đơn vị, UBND các cấp xã xây dựng dự toán theo đúng nội dung, mẫu biểu, thời gian theo quy định.

* Dự kiến thời gian thảo luận dự toán năm 2018 : Ngày 18/09/2017 (Sở Tài chính sẽ có giấy mời cụ thể)

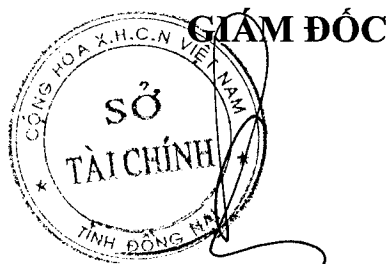
Các đơn vị truy cập địa chỉ: <http://stc.dongnai.gov.vn>, chuyên mục “Văn bản triển khai” để xem chi tiết nội dung và các biểu mẫu của Nghị định 31/2017/NĐ-CP, Thông tư số 342/2016/TT-BTC, Thông tư số 344/2016/TT-BTC, Thông tư số 71/2017/TT-BTC, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị nghiên cứu, thực hiện. / *nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu VT, NSNN.

Phúc



Huỳnh Thanh Bình